

Số: 71/KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 4 năm 2022

KẾ HOẠCH

Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2022

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 03/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh năm 2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng đạt chuẩn vững chắc phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và đạt chuẩn xóa mù chữ.

- Phân đầu xây dựng các đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3 ở những nơi có điều kiện.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục (PCGD), xóa mù chữ (XMC) trên địa bàn tỉnh năm 2022 phải thực hiện theo đúng lộ trình, mục tiêu Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 03/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Kế hoạch phải được triển khai tại tất cả các huyện, thành phố; ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tăng cường vai trò chỉ đạo, điều hành của chính quyền đối với các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội trong việc triển khai, và huy động các nguồn lực để thực hiện công tác PCGD, XMC, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh huy động mọi nguồn lực cho giáo dục.

- Củng cố và nâng cao kết quả công tác PCGD, XMC; củng cố vững chắc kết quả phổ cập đối với những đơn vị đã đạt chuẩn, nâng cao mức độ đạt chuẩn, đồng thời nâng cao chất lượng các điều kiện bảo đảm PCGD, XMC.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi

138/138 xã, phường, thị trấn và 7/7 huyện, thành phố duy trì đạt chuẩn vững chắc và từng bước nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi.

2.2. Phổ cập giáo dục tiểu học

138/138 xã, phường, thị trấn và 7/7 huyện, thành phố duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học từ mức độ 2 trở lên (*duy trì 5/7 huyện đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 2; 2/7 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3*); tỉnh Tuyên Quang duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2.

2.3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

138/138 xã, phường, thị trấn và 7/7 huyện, thành phố duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở (THCS) mức độ 2 trở lên (*duy trì 6/7 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2, phần đầu 01 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3*); tỉnh Tuyên Quang đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

2.4. Xóa mù chữ

138/138 xã, phường, thị trấn và 7/7 huyện, thành phố duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng xóa mù chữ mức độ 2; tỉnh Tuyên Quang đạt chuẩn vững chắc xóa mù chữ mức độ 2.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, tuyên truyền về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

- Kiện toàn và xây dựng Quy chế tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ các cấp, tổ chức các cuộc họp chuyên đề về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc hoạt động của Ban Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn, có giải pháp cụ thể, tích cực đối với các xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục chưa vững chắc.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trong nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực; nâng cao trách nhiệm quản lý, điều hành công tác phổ cập từ tỉnh đến cơ sở, đưa chỉ tiêu phổ cập giáo dục vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương để chỉ đạo thực hiện.

- Chú trọng việc xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ ở cấp huyện, cấp xã bằng nhiều giải pháp tích cực, phù hợp, hiệu quả, nhằm tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu của kế hoạch; ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác phổ cập trên địa bàn, giao trách nhiệm cụ thể cho các tổ chức, đoàn thể trong thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Tăng cường công tác quản lý, hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ ở các cấp nhằm nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều tra, cập nhật và quản lý phổ cập giáo dục các cấp học.

2. Giữ vững và phát huy thành quả đạt chuẩn vững chắc phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ

2.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi

- Tỷ lệ trẻ em 05 tuổi đến lớp đạt 100%.
- Tỷ lệ trẻ em 05 tuổi được học 02 buổi/ngày: Trên 95% đối với xã đặc biệt khó khăn, vùng cao; 100% đối với xã còn lại.
- 100% số trẻ 05 tuổi dân tộc thiểu số ra lớp được chuẩn bị tiếng Việt trước khi vào lớp 1.
- Tỷ lệ trẻ 05 tuổi đi học chuyên cần: Trên 90% đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; trên 95% đối với xã còn lại.
- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi (*chiều cao theo tuổi*): dưới 10%.
- Tỷ lệ trẻ em 05 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%.
- Ưu tiên giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng dạy các lớp mầm non 05 tuổi, đảm bảo phù hợp, hiệu quả trên cơ sở số người làm việc được giao; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non, phấn đấu từ 90% giáo viên trở lên dạy lớp 05 tuổi đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019; 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và được hưởng các chế độ chính sách theo quy định.
- 100% các trường có đủ phòng học cho lớp mầm non 05 tuổi; các phòng học cho lớp mẫu giáo 05 tuổi được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, đảm bảo an toàn và diện tích sử dụng theo quy định; phòng học đủ ánh sáng, ấm áp về mùa đông và thoáng mát về mùa hè; huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng, tu sửa phòng lớp học; 100% các lớp mầm non 5 tuổi có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.
- Đảm bảo 100% trường học xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có nhà bếp, công trình vệ sinh đạt yêu cầu.

2.2. Phổ cập giáo dục tiểu học

- Huy động 100% trẻ 06 tuổi vào học lớp 1.
- Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 96%; tỷ lệ trẻ từ 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 97%.
- Bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cho các cơ sở giáo dục tiểu học đảm bảo công bằng, hợp lý về cơ cấu trên cơ sở số người làm việc được giao; phần đầu có trên 36% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019.
- 100% các xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 2, phần đầu có trên 82% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3.
- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, học phẩm (*các phòng chức năng, bộ môn, phòng học, vở viết cho học sinh tại các vùng đặc biệt khó khăn...*) cho các trường.
- Đảm bảo đủ phòng học tối thiểu; phòng học theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi; có thư viện, phòng y tế học đường, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội; phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên.
- Các trường có sân chơi, bãi tập với diện tích phù hợp được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

2.3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- 100% các xã, phường, thị trấn duy trì tỉ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở hằng năm đạt ít nhất 90%; đối với các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%.
- Hằng năm, huy động trên 98% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 trung học cơ sở; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, huy động từ 95% trở lên.
- Phần đầu có trên 67% đơn vị xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 3.
- Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp hàng năm đạt ít nhất 80%; đối với các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

- Bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cho các trường trung học cơ sở đảm bảo công bằng, hợp lý về cơ cấu trên cơ sở số người làm việc được giao; phấn đấu có trên 77% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019.

- Đảm bảo đủ phòng học tối thiểu; phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi; có phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên, phòng y tế trường học, thư viện, phòng thí nghiệm

- Các trường có sân chơi, bãi tập với diện tích phù hợp được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

2.4. Xóa mù chữ

- Trên 90% số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2; đối với các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tối thiểu đạt 90% số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2.

- Tiếp tục tổ chức các lớp xóa mù chữ, sau xóa mù chữ để chống tái mù chữ tại các trung tâm học tập cộng đồng; rà soát, sắp xếp các lớp theo từng độ tuổi, thực hiện chương trình phù hợp để đảm bảo tỷ lệ người trong độ tuổi theo quy định được công nhận biết chữ mức độ 2.

3. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc sắp xếp lại điểm trường, lớp học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông theo Kế hoạch 119/KH-UBND ngày 30/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tiếp tục đầu tư, bổ sung kinh phí mua sắm đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học cho các trường nhằm nâng cao chất lượng dạy, học; thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc đầu tư, công tác quản lý, sử dụng thiết bị dạy học tại các trường.

- Rà soát lại số lớp, số giáo viên, có kế hoạch phân bổ giáo viên hợp lý giữa các trường đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp theo quy định. Tiếp tục tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ; phát động phong trào tự học, tự bồi dưỡng trong toàn ngành giáo dục.

- Thực hiện tuyển dụng và có giải pháp về hợp đồng giáo viên, nhân viên các cấp học, nhất là giáo viên mầm non, tiểu học, để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục để đáp ứng yêu cầu phổ cập và thực hiện đổi mới giáo dục.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả giờ lên lớp của giáo viên; tổ chức tốt các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường nhằm phát triển năng lực và kỹ năng cho học sinh; tạo môi trường “Trò thật sự muốn học, thầy tận tình giúp đỡ”, động viên, khuyến khích tạo niềm tin và động cơ học tập cho học sinh, nhất là đối với học sinh có học lực yếu, kém.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên môn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về kiểm tra, đánh giá, xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm các quy định trong thi cử, kiểm tra, đánh giá.

- Thực hiện đầy đủ nội dung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp, hiệu quả theo chuẩn của chương trình giáo dục phổ thông.

- Tăng cường đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin quản lý phổ cập giáo dục, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ và nhân viên sử dụng tốt các phần mềm hỗ trợ quản lý giáo dục, phần mềm quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; thường xuyên cập nhật dữ liệu, khai thác có hiệu quả phần mềm quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ do Bộ Giáo dục và Đào tạo trang cấp; sử dụng hệ thống biểu mẫu phổ cập giáo dục từ phần mềm.

4. Tăng cường huy động học sinh, trẻ em 05 tuổi đến lớp

- Thường xuyên tổ chức rà soát tất cả học sinh, trẻ trong độ tuổi phổ cập nhất là tại các xã đạt chuẩn phổ cập nhưng chưa vững chắc, nhằm nâng cao tỷ lệ huy động trẻ, học sinh đến lớp đảm bảo hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế tại mỗi địa phương, đơn vị, từng bước củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục các cấp học.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của nhà nước đối với học sinh; chú trọng phát triển các loại hình trường, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực ở những nơi có điều kiện thành lập nhằm tăng tỷ lệ huy động trẻ ở các độ tuổi và đảm bảo tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ theo mục tiêu đề ra.

- Tiếp tục tổ chức các lớp xóa mù chữ, sau xóa mù chữ để chống tái mù chữ tại các trung tâm học tập cộng đồng; rà soát, sắp xếp các lớp theo từng độ tuổi, thực hiện chương trình phù hợp để đảm bảo tỷ lệ học sinh hết tuổi 11 được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học.

5. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục

- Chủ động lồng ghép các chương trình, đề án, dự án và huy động nguồn lực của xã hội để thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

- Tăng cường huy động sự đóng góp của các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội cùng với việc hỗ trợ của ngân sách Nhà nước để xây dựng trường, lớp học và trung tâm học tập cộng đồng.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các cơ chế, chính sách về xã hội hóa giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi về đất, tín dụng, thuế và các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở GDMN đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ của người dân.

- Phát huy vai trò hội khuyến học, nâng cao chất lượng các mô hình học tập (*gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị, công dân học tập*), tích cực động viên, định hướng và tạo điều kiện tốt nhất để mọi người được học và học được.

- Tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội; tạo sự đồng thuận và phối hợp chặt chẽ của chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội cũng như gia đình học sinh chung tay giáo dục học sinh.

6. Thực hiện tốt công tác quản lý, kiểm tra công nhận kết quả PCGD, XMC

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng và việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ PCGD, XMC lồng ghép thông qua các đợt kiểm tra chuyên môn.

- Tiếp tục sử dụng hệ thống thông tin quản lý PCGD, XMC theo Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý PCGD, XMC để cập nhật, lưu giữ, quản lý, khai thác thông tin, thực hiện nghiêm túc quy trình điều tra, nhập dữ liệu đảm bảo chính xác, đúng thời gian.

- Nâng cao trách nhiệm, thực hiện có hiệu quả việc điều tra thông tin hộ gia đình, tổng hợp dữ liệu, lập hồ sơ và tự kiểm tra kết quả PCGD, XMC của các đơn vị cấp xã.

7. Công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19 trong trường học

- Chỉ đạo, hướng dẫn các giải pháp đảm bảo an toàn cho các cơ sở giáo dục trong phòng chống dịch bệnh COVID-19, tạo điều kiện cho việc tổ chức dạy học trực tiếp ở các cấp học; chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai linh hoạt các hình thức dạy học trực tiếp, trực tuyến, qua truyền hình hoặc giao bài cho học sinh để thích ứng với tình hình dịch bệnh.

- Làm tốt công tác tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về chiến lược tiêm chủng phòng vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh; tiếp tục tổ chức tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho các đối tượng đủ điều kiện theo đúng chỉ định, hướng dẫn của ngành Y tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và giáo dục học sinh, theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và kịp thời điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phù hợp với yêu cầu thực tế, bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác PCGD, XMC.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện công tác PCGD, XMC trên địa bàn bảo đảm thiết thực, hiệu quả cao.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên, cán bộ quản lý làm công tác phổ cập giáo dục nhằm nâng cao năng lực quản lý, triển khai, duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; khả năng quản lý, khai thác hiệu quả phần mềm phổ cập giáo dục; kiểm tra, đôn đốc, tư vấn giúp cơ sở khắc phục những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan có liên quan căn cứ khả năng cân đối ngân sách hàng năm xem xét, thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện Kế hoạch theo quy định.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có liên quan tham mưu với ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo tiền lương, phụ cấp và chính sách ưu đãi (nếu có) đối với nhà giáo theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào số bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương thực hiện các chính sách về giáo dục, đào tạo và dạy nghề, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí theo quy định.

4. Sở Nội vụ

- Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, điều chỉnh số lượng người làm việc cho cấp học mầm non, phổ thông công lập trong số lượng người làm việc được Bộ Nội vụ thẩm định và Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục học sinh và duy trì kết quả PCGD, XMC.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động bộ máy quản lý giáo dục các cấp; tuyển dụng, tiếp nhận giáo viên còn thiếu tại các cấp học mầm non, phổ thông theo quy định.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí quỹ đất cho các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo ở các huyện, thành phố bảo đảm theo đúng quy hoạch và đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, công tác PCGD, XMC và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Hướng dẫn các trường lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận, thẩm định và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường theo đúng quy định.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tăng cường công tác truyền thông, vận động xã hội thực hiện công tác PCGD, XMC; thực hiện bảo vệ và chăm sóc trẻ em, các chính sách xã hội khác có liên quan trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền và xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về PCGD mầm non cho trẻ 05 tuổi, củng cố kết quả PCGD tiểu học, PCGD trung học cơ sở, XMC cho người lớn.

8. Trường Đại học Tân Trào: Thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và kế hoạch hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo chất lượng và số lượng theo quy định.

9. Hội Khuyến học tỉnh

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tuyên truyền huy động các đối tượng phổ cập ra lớp, vận động các nguồn kinh phí hỗ trợ các điều kiện học tập cho các đối tượng này ra học các lớp bổ túc văn hóa, học nghề, ...

- Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện thí điểm và nhân rộng mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập”.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên

Phối hợp với chính quyền, ngành chức năng và các tổ chức thành viên tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2022 trên địa bàn tỉnh, gắn với cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”.

11. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của địa phương năm 2022, trong đó quan tâm việc xây dựng chỉ tiêu cho các xã, phường, thị trấn đảm bảo vững chắc kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đã đạt và tạo điều kiện thuận lợi phấn đấu đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ mức độ cao tại những xã có điều kiện. Huy động, lồng ghép và bố trí kinh phí để thực hiện các hoạt động của công tác PCGD, XMC đảm bảo hoàn thành mục tiêu kế hoạch; xây dựng Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

- Cập nhật số liệu PCGD, XMC sau khi điều tra và cập nhật dữ liệu lên hệ thống thông tin điện tử quản lý PCGD, XMC đảm bảo chính xác theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hướng dẫn các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện các nội dung liên quan đến công tác PCGD, XMC đạt hiệu quả.

- Thực hiện công tác kiểm tra công nhận, công nhận lại đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2022 theo quy định; hoàn thiện hồ sơ PCGD, XMC trình Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp*) kiểm tra công nhận theo quy định.

Yêu cầu các đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện Kế hoạch; trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp có khó khăn vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp*) chỉ đạo, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Các Sở: GDĐT, KHĐT, TC, TNMT, TTTT, NV, LĐTBXH;
- Trường ĐH Tân Trào;
- Hội Khuyến học tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- PCVP UBND tỉnh Nguyễn Thanh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (VB).

(báo cáo)

Hoàng Việt Phương